

A vibrant blue sky filled with numerous hot air balloons of various colors and patterns, including stripes, checks, and solid colors. The balloons are scattered across the frame, with some appearing larger and closer, and others smaller and further away.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG 2020

Tháng 8 năm 2020

MỤC LỤC

01 Covid-19: Vững vàng trước thách thức

02 Kết quả kinh doanh 6 tháng 2020

- Ngân hàng Hợp nhất
 - Ngân hàng Riêng lẻ
 - FE Credit
-

03 Triển vọng kinh doanh



Covid-19

Vững vàng trước thách thức

VPBank – Tổng kết 6 tháng 2020

Nền tảng vững chắc giúp ngân hàng đứng vững trước khó khăn

Điểm nhấn kinh doanh

- ★ **Các biện pháp đối phó và phòng ngừa Covid-19** được tăng cường nghiêm ngặt toàn ngân hàng cùng với những hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
- ★ **Moody's khẳng định xếp hạng tín dụng VPBank ở mức B1** với **triển vọng ổn định** trong bối cảnh tình hình dịch bệnh chưa từng thấy trên toàn thế giới
- ★ **Ngân hàng đầu tiên triển khai eKYC** - nhận dạng khách hàng trực tuyến. **Máy học và Trí tuệ nhân tạo (AI)** thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động marketing kỹ thuật số
- ★ **Được công nhận** bởi các tổ chức quốc tế có uy tín giúp đa dạng hóa nguồn huy động.
- ★ **Cải thiện chất lượng tài sản** nhằm đảm bảo kinh doanh liên tục và tăng trưởng bền vững
- ★ **Là một** trong số ít ngân hàng hoàn thành tuân thủ cả **3 trụ cột của Basel II**
- ★ **Là một trong 5 ngân hàng thương mại uy tín nhất Việt Nam 2020** theo báo Vietnam Report và **một trong 50 công ty** hiệu quả nhất và công ty niêm yết hàng đầu tại Việt Nam
- ★ **Ra mắt website mới** hỗ trợ nâng cao trải nghiệm khách hàng
- ★ FE Credit trở thành thành viên của **Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam**

Kết quả hoạt động tích cực



Dư nợ cấp tín dụng
297.970 Tỷ VND
 ▲ YTD: 9,8%



Tỷ lệ nợ xấu
theo Thông tư 02
2,71%



Lợi nhuận trước thuế
6.585 tỷ VND
 ▲ YoY: 51,6%



ROE theo năm
23,5%

KINH TẾ VĨ MÔ

Tăng trưởng GDP: 1,81%

GDP chạm mức thấp nhất trong 9 năm qua. GDP Q2 bị ảnh hưởng nặng nề phần lớn bởi dịch Covid – 19 và chính phủ phải thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội. Tuy vậy, vẫn có một số ngành nghề tăng trưởng dù ở mức còn thấp. Cụ thể:

- Nông nghiệp tăng 1,19%
- Công nghiệp và xây dựng tăng 2,98%
- Du lịch, nhà hàng, khách sạn giảm 0,57%.

CPI: 4,19%

CPI tăng chủ yếu do giá thực phẩm tăng

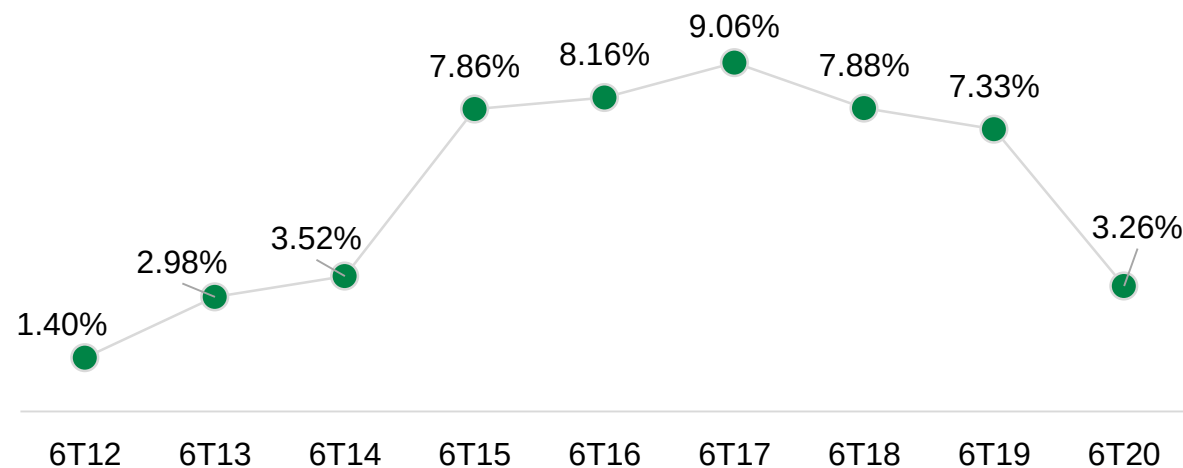
Tăng trưởng xuất khẩu: -1,1%

121,21 tỷ USD

Giải ngân FDI: 15,67 tỷ USD

Giảm 15,1% so với cùng kỳ năm ngoái

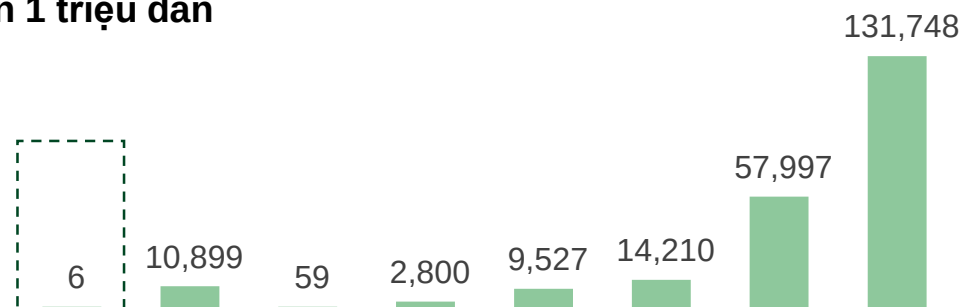
NGÀNH NGÂN HÀNG



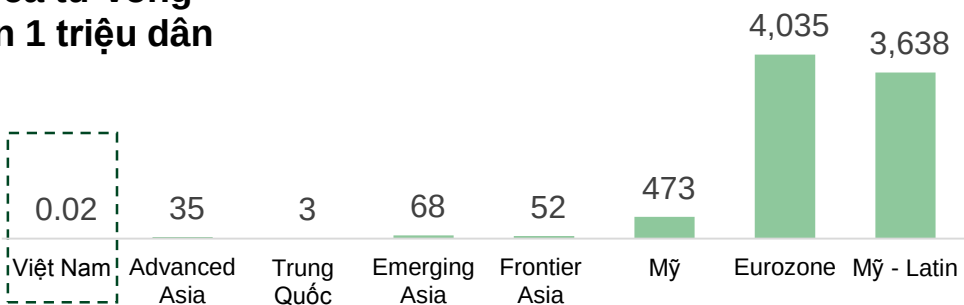
- Tăng trưởng tín dụng đến 30/6/2020 đạt 3,26%, mức thấp nhất cùng kỳ từ năm 2013 đến 2020. Số liệu cho thấy các hoạt động bị ảnh hưởng bởi dịch vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn và phải thu hẹp hoạt động sản xuất và kinh doanh. Đồng thời, các ngân hàng đã thận trọng hơn với giải ngân tín dụng do nợ xấu tăng lên.
- Tăng trưởng huy động khách hàng (4,35% YTD) cao hơn tăng trưởng tín dụng, phản ánh khả năng thanh khoản vượt mức của hệ thống ngân hàng. Lãi suất liên ngân hàng và lợi suất trái phiếu kho bạc xuống mức thấp nhất trong vòng nhiều năm qua.

Sự lây lan của virus ở Việt Nam thấp hơn đáng kể so với các nước khác trên thế giới

Số ca nhiễm trên 1 triệu dân



Số ca tử vong trên 1 triệu dân



*Nguồn: Worldometers tại 31.07. 2020

Vững vàng trước những biến động

- Ngày 23/4/2020, chính phủ nói lỏng giãn cách xã hội sau khi tình hình dịch được kiểm soát. Cho đến hiện tại, sau khi áp dụng trạng thái “bình thường mới”, những hoạt động trong nước đã bình thường trở lại và ở trạng thái “sẵn sàng” để chuẩn bị cho những biến động phía trước.
- Việt Nam chính thức ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Châu Âu (EVFTA) vào ngày 30/6/2020 sau gần 10 năm đàm phán và chuẩn bị. Hiệp định sẽ có hiệu lực vào 1/8/2020 và được dự đoán là sẽ giúp Việt Nam thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu trong giai đoạn 2020 – 2025 đến 2030 ở mức lần lượt là 20%, 42,7% và 44,37%.
- Căng thẳng Mỹ - Trung một lần nữa leo thang có thể là yếu tố khiến các chuỗi sản xuất của nhiều nước dịch chuyển về Việt Nam.
- Sự ra đời của các quỹ ETF trong nước, cụ thể là VN Diamond và VN Financials Lead giúp đưa dòng vốn nước ngoài quay trở lại Việt Nam, đem lại lợi ích cho các ngân hàng và cổ phiếu với tỷ lệ FOL cao nhất

Ghi chú: Việt Nam đã ghi nhận ca nhiễm đầu tiên ở Đà Nẵng vào ngày 25/7/2020, sau 99 ngày liên tục không có ca mắc Covid-19 nào trong cộng đồng kể từ tháng 4/2020... Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn mới của “cuộc chiến chống Covid” với làn sóng lây nhiễm trong cộng đồng.



Kết quả kinh doanh 6 tháng 2020

- Ngân hàng Hợp nhất
- Ngân hàng Riêng lẻ
- FE Credit

Tiêu điểm tài chính 6 tháng 2020

Tăng cường quản trị rủi ro kết hợp kinh doanh hiệu quả nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững

- ✓ Tăng cường quản lý chất lượng tài sản nhằm đảm bảo tăng trưởng chất lượng
- ✓ Đẩy mạnh huy động từ các nguồn vốn giá rẻ và đa dạng hóa nguồn huy động giúp giảm giá vốn
- ✓ Lợi nhuận tăng ổn định trong bối cảnh diễn biến phức tạp của Covid19
- ✓ Mở rộng nguồn kinh doanh nhằm giảm thiểu tác động của thị trường và duy trì tăng trưởng doanh thu
- ✓ Kiểm soát tốt chi phí hoạt động



Dư nợ cấp tín dụng

297.970 tỷ VND

▲ tăng trưởng: 9,8%

🕒 98% kế hoạch



Huy động khách hàng

291.749 tỷ VND

▲ tăng trưởng: 7,4%

🕒 97% kế hoạch



NPL TT02

2,71%

FY 2019: 2,95%



Chi phí tín dụng sau thu hồi nợ (*)

4,1%

FY2019: 4,5%



TOI

18.854 tỷ VND

▲ tăng trưởng: 12,0%



PBT

6.585 tỷ VND

▲ tăng trưởng: 51,6%

🕒 64% kế hoạch



CIR

31,0%

FY2019: 33,9%



NIM

8,8%

FY2019: 9,7%



ROA theo năm

2,7%

FY2019 2,4%



ROE theo năm

23,5%

FY2019 21,5%



CAR Thông Tư 41

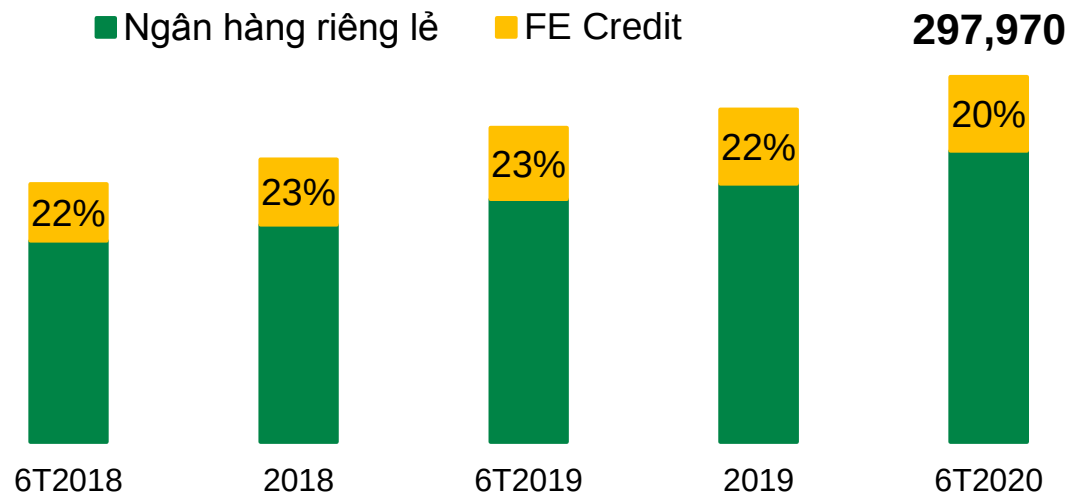
11,3%

FY2019 11,1%

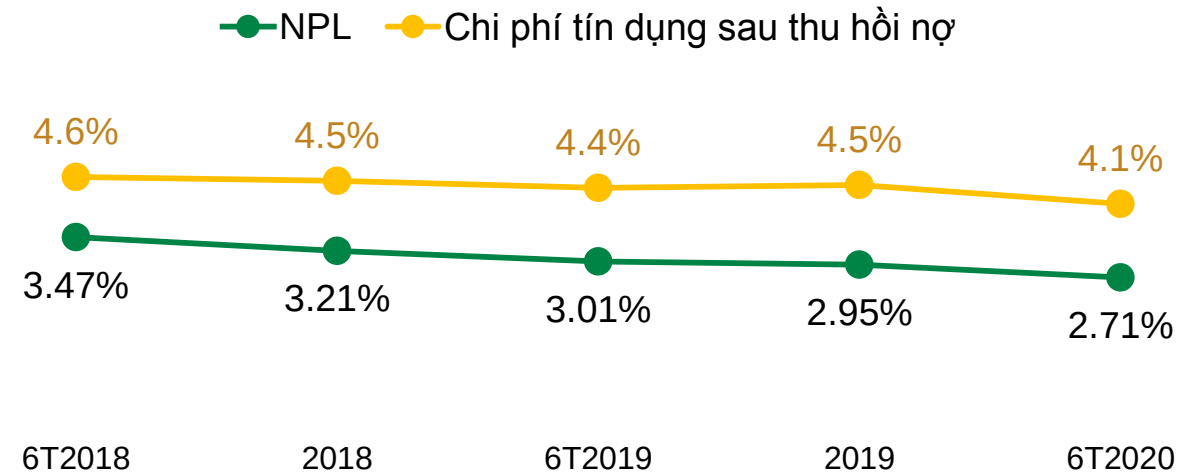
Tăng cường quản lý chất lượng tài sản đảm bảo tăng trưởng chất lượng

- *Tốc độ tăng trưởng tín dụng cao hơn trung bình toàn ngành, dịch chuyển tập trung sang cho vay thế chấp*
- *Chất lượng tài sản được giám sát chặt chẽ cùng với trọng tâm củng cố hoạt động thu hồi nợ*

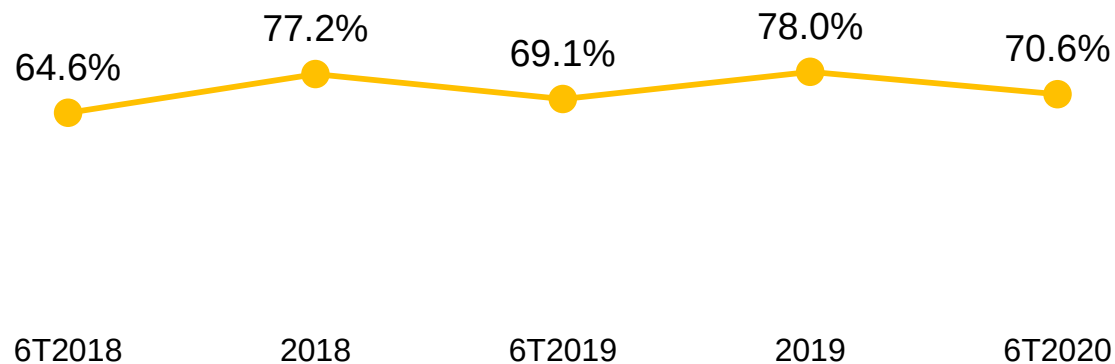
Dư nợ cấp tín dụng (tỷ VND, %)



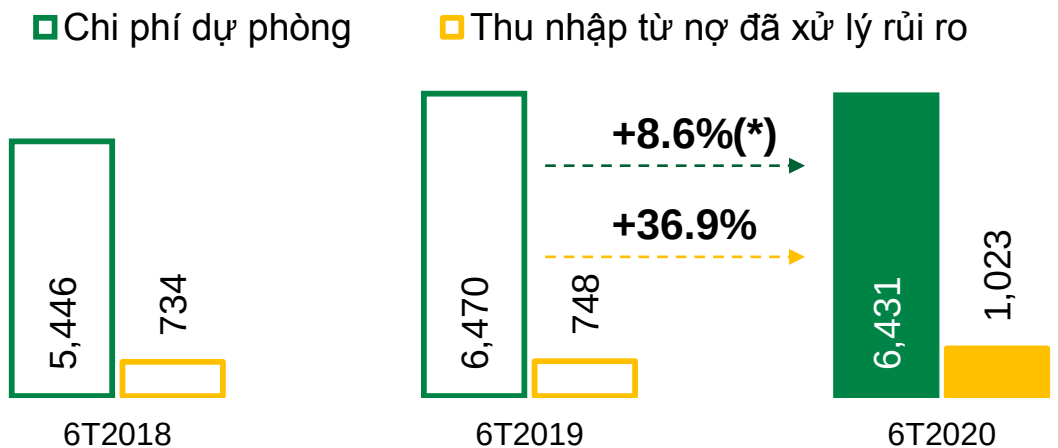
NPL theo TT02, Chi phí tín dụng sau thu hồi nợ (Cho vay) (%)



Tỷ lệ bao phủ dự phòng (LLR) nội & ngoại bảng (%)



Chi phí dự phòng, thu nhập từ xử lý rủi ro (tỷ VND, %)

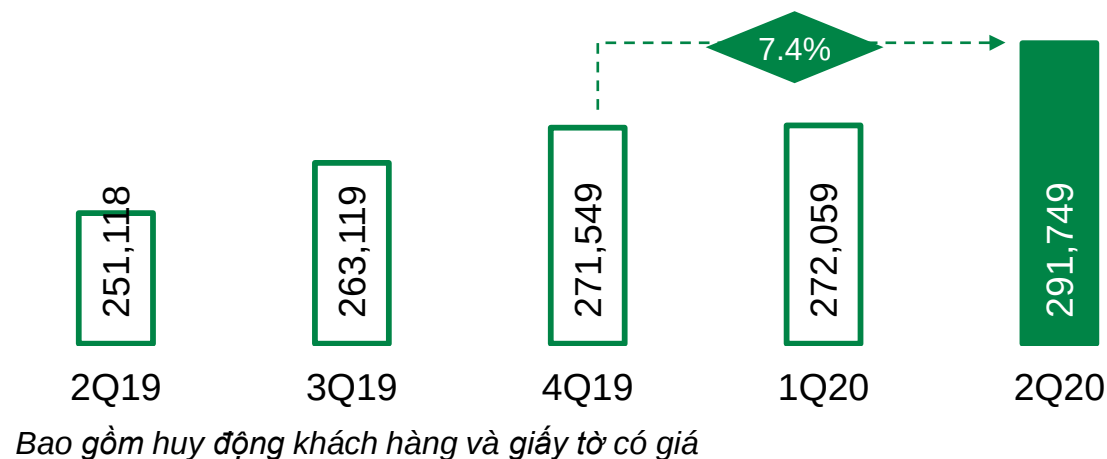


(*) không tính dự phòng cho VAMC

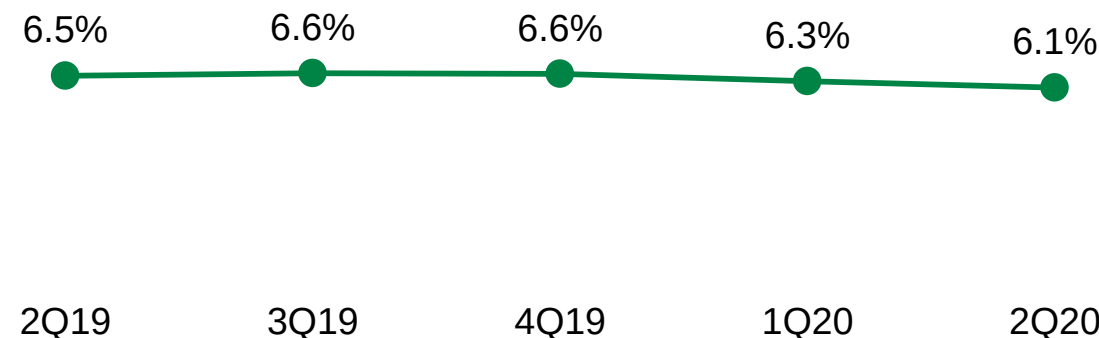
Đẩy mạnh huy động từ các nguồn vốn giá rẻ và đa dạng hóa nguồn huy động giúp giảm giá vốn

- Chủ động quản lý thanh khoản và duy trì nguồn vốn tốt
- Kiểm soát tốt các chỉ số an toàn theo quy định của NHNN. Tiếp tục tối ưu hóa chi phí vốn.

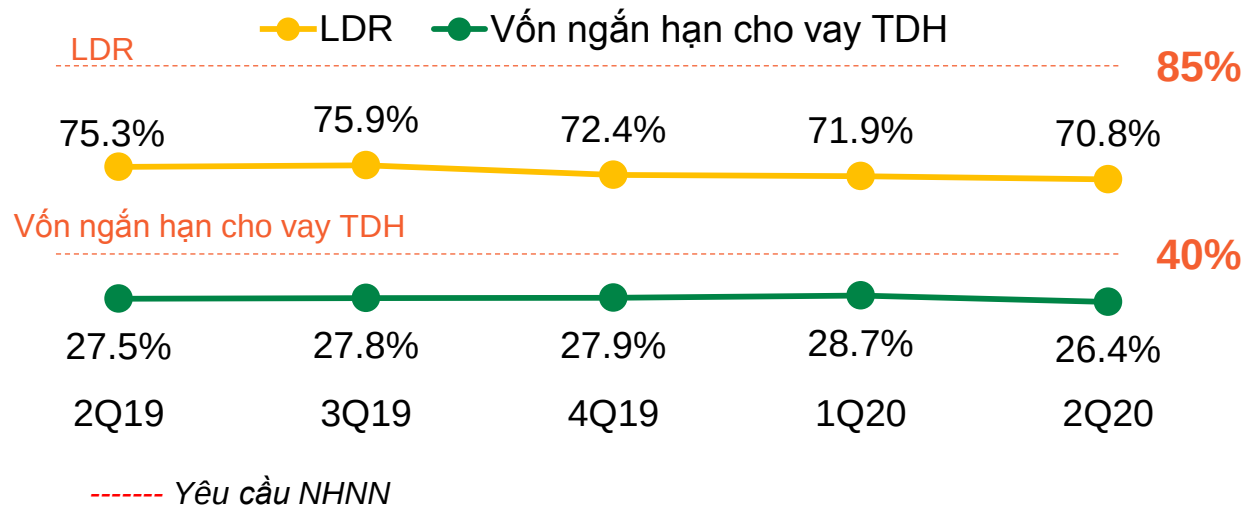
Huy động khách hàng (tỷ VND, %)



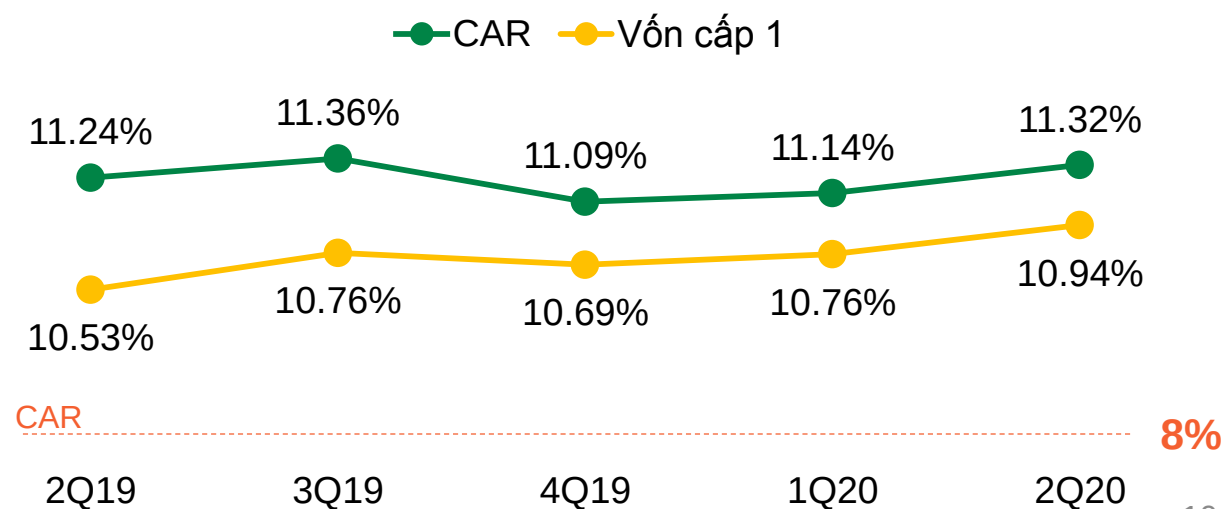
Chi phí vốn theo quý (%)



LDR, Vốn ngắn hạn cho vay trung & dài hạn – Ngân hàng riêng lẻ (theo yêu cầu của NHNN) (%)

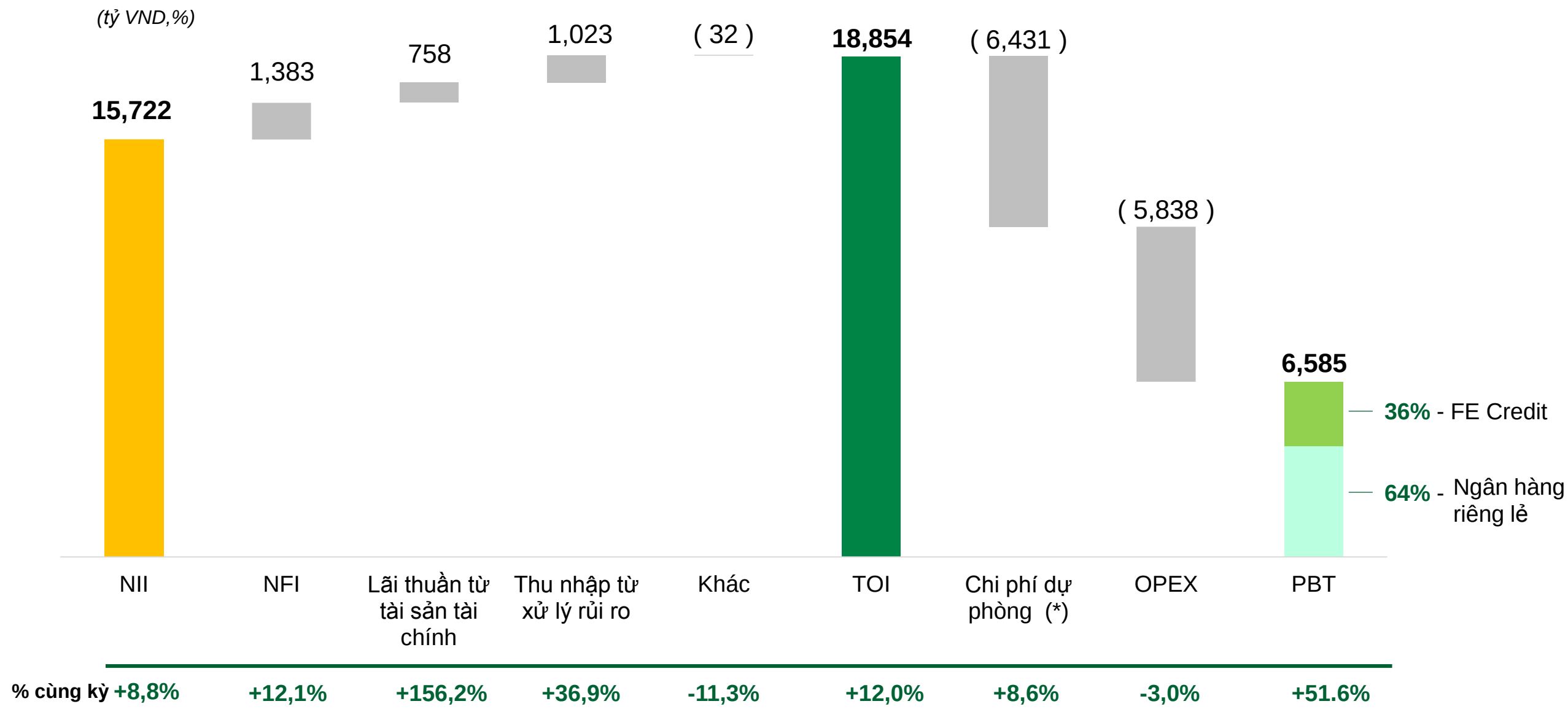


Tỷ lệ an toàn vốn theo TT41 (Basel II, %)



Lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng

Tốc độ tăng trưởng TOI cao hơn tốc độ tăng trưởng của OPEX, tạo đà vững chắc cho sự tăng trưởng vượt bậc của lợi nhuận

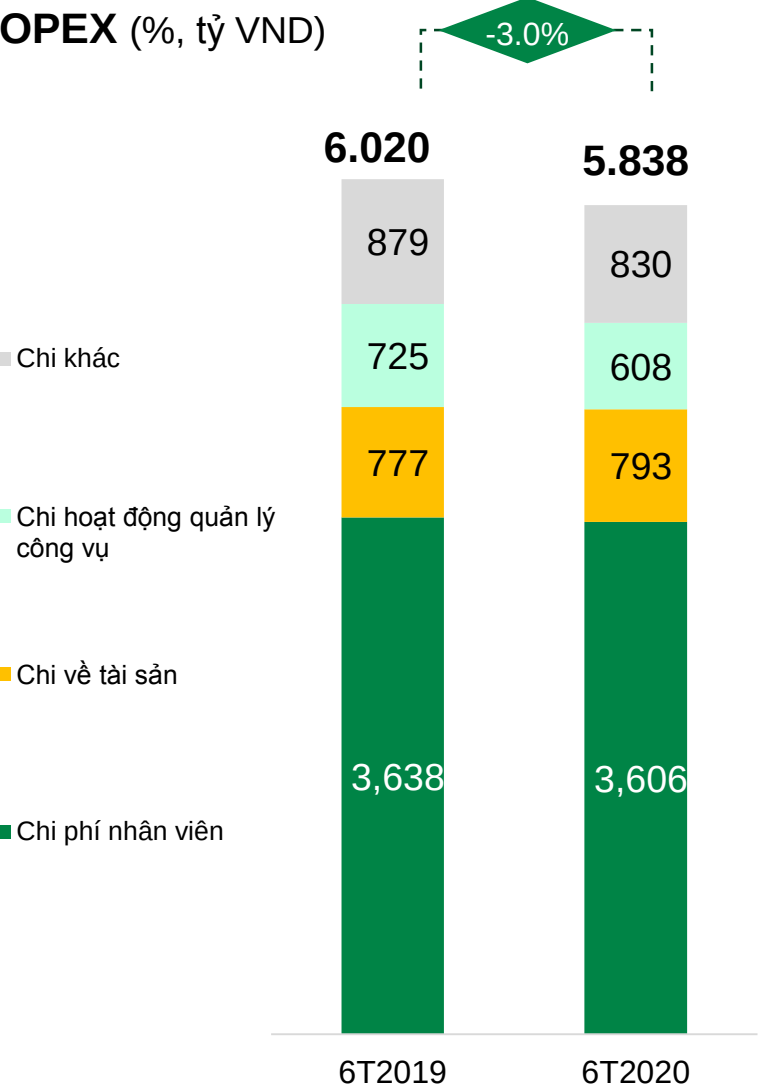


*không tính chi phí dự phòng VAMC năm 2019

Chi phí được kiểm soát tốt

OPEX tiếp tục được kiểm soát tốt bằng những chính sách chặt chẽ bao gồm tiết giảm các khoản chi không thiết yếu

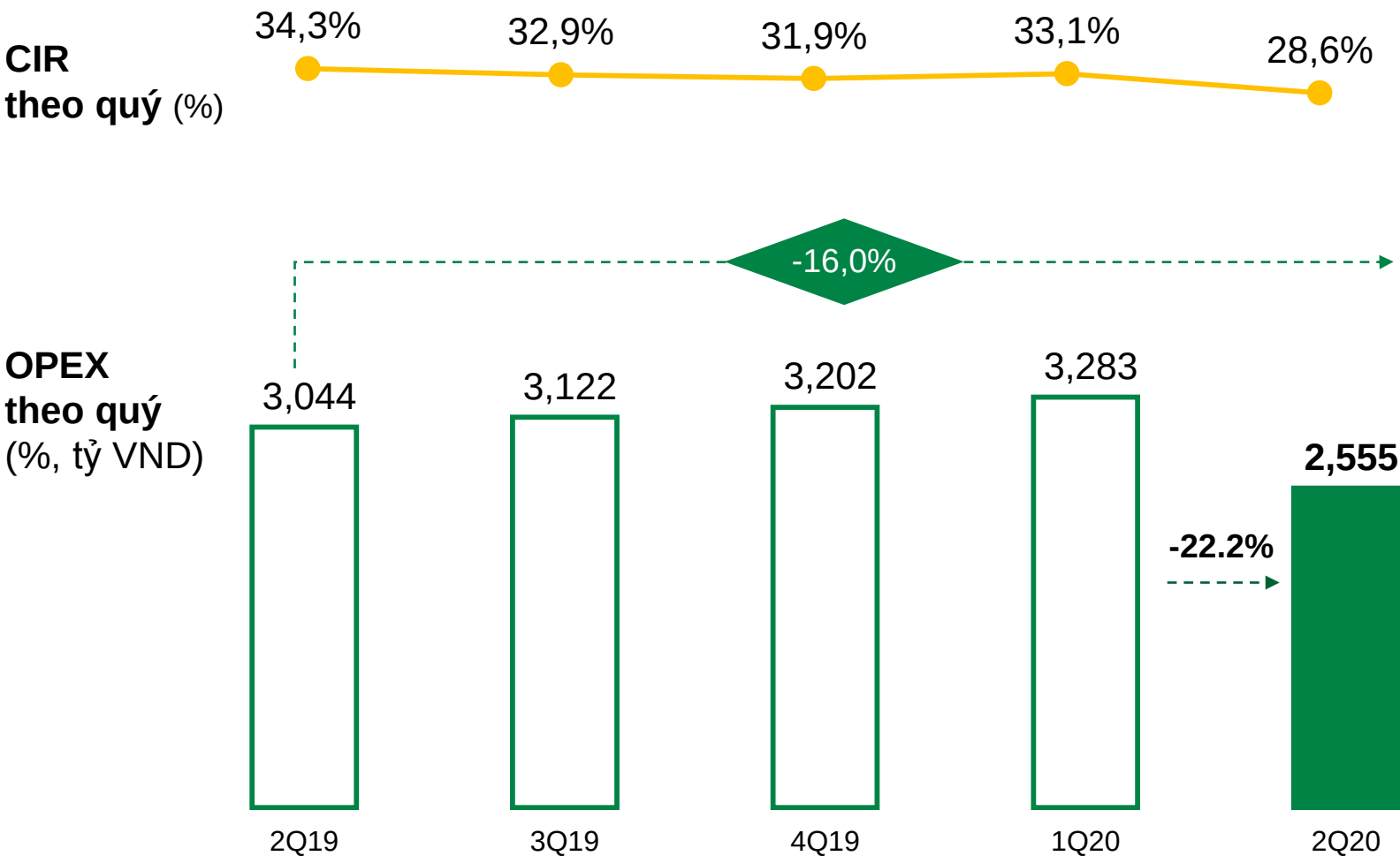
OPEX (% , tỷ VND)



CIR theo quý (%)



OPEX theo quý (% , tỷ VND)





Kết quả kinh doanh 6 tháng 2020

- Ngân hàng Hợp nhất
- Ngân hàng Riêng lẻ
- FE Credit

Tăng trưởng có chọn lọc song hành cùng đa dạng hóa nguồn thu và tối ưu hóa chi phí



DƯ NỢ/NIM

	6T2020	2019	Tăng trưởng
Dư nợ cấp tín dụng	237.764	210.916	12,7%
NIM (theo năm)	4,6%	4,9%	



CHẤT LƯỢNG
TÀI SẢN

%NPL	2,07%	2,18%	
LLR nội & ngoại bảng (Nhóm 3-5)	65,8%	73,5%	



DOANH THU/CHI PHÍ

	6T2020	6T2019*	Tăng trưởng
TOI*	9.775	7.848	24,5%
Chi phí dự phòng	2.397	2.385	30,4%(**)
PBT*	4.188	2.225	88,2%
CIR*	32,6%	41,3%	
Chi phí tín dụng sau thu hồi nợ	1,8%	1,5%	



LỢI NHUẬN

ROA	2,1%	1,3%	
ROE	23,6%	15,0%	

* Chưa bao gồm thu nhập từ các công ty con

** Chưa bao gồm dự phòng cho VAMC

Một số tiêu điểm

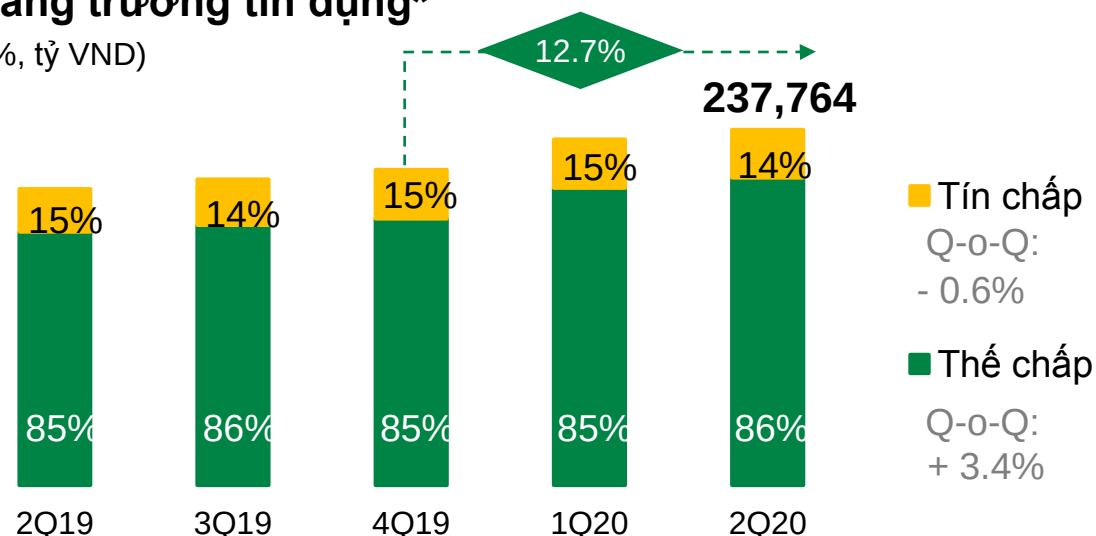
- Dịch chuyển sang cho vay danh mục thế chấp với rủi ro thấp hơn, đồng thời tăng trưởng tín dụng của ngân hàng riêng lẻ có những kết quả tích cực trong 6 tháng đầu năm.
- NIM có xu hướng giảm kèm theo những thay đổi về cấu trúc cho vay.
- Tiếp tục cải thiện chất lượng tài sản nhờ nỗ lực thu hồi nợ sớm và nợ đã xử lý rủi ro, quản lý chặt chẽ danh mục nợ được cơ cấu.
- Đa dạng hóa nguồn thu và kiểm soát chặt chẽ chi phí mang lại lợi nhuận tích cực. Ngân hàng riêng lẻ đóng góp 64% tổng LNTT hợp nhất.

Danh mục tín dụng

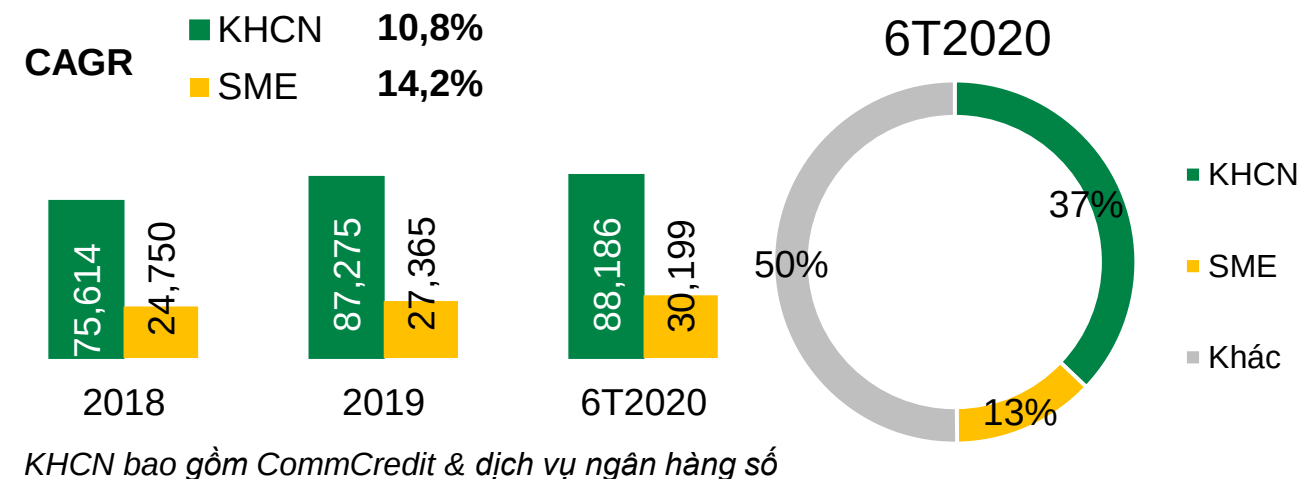
- Tiếp tục chính sách kiểm soát chặt chẽ cho vay và giải ngân dẫn đến thu hẹp tỷ trọng cho vay tín chấp trong tổng danh mục tín dụng
- Quản lý chất lượng tài sản thận trọng

Tăng trưởng tín dụng*

(%, tỷ VND)

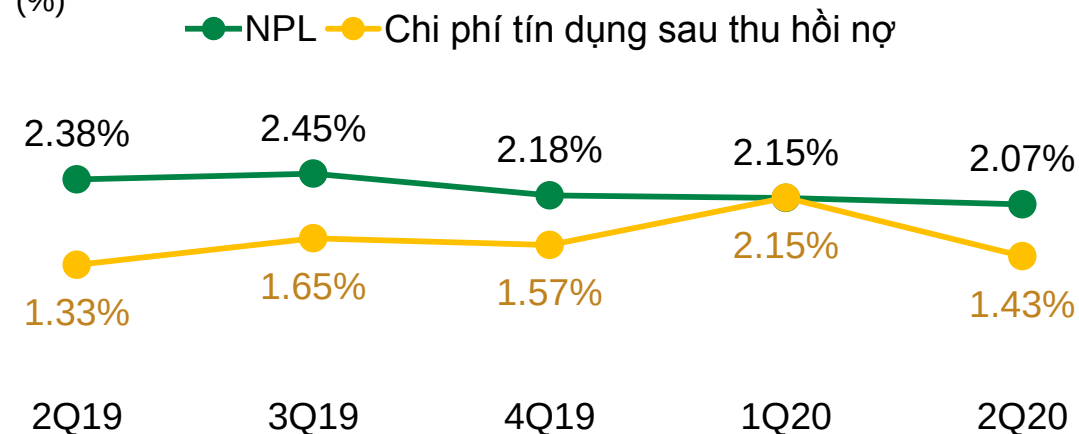


Danh mục tín dụng theo phân khúc (%, VND Bil)



NPL theo TT 02, Chi phí tín dụng sau thu hồi nợ (**)

(%)

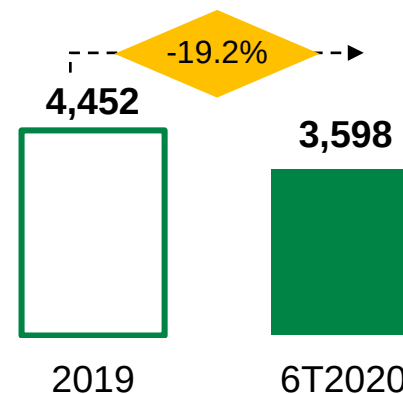


* Bao gồm TPDN

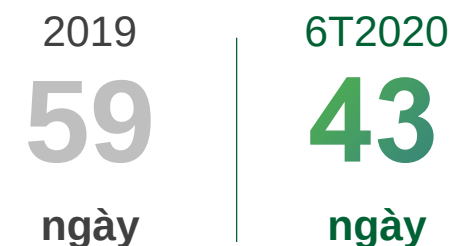
(**) Không gồm dự phòng VAMC 2019

Lãi và phí phải thu

(%, tỷ VND)

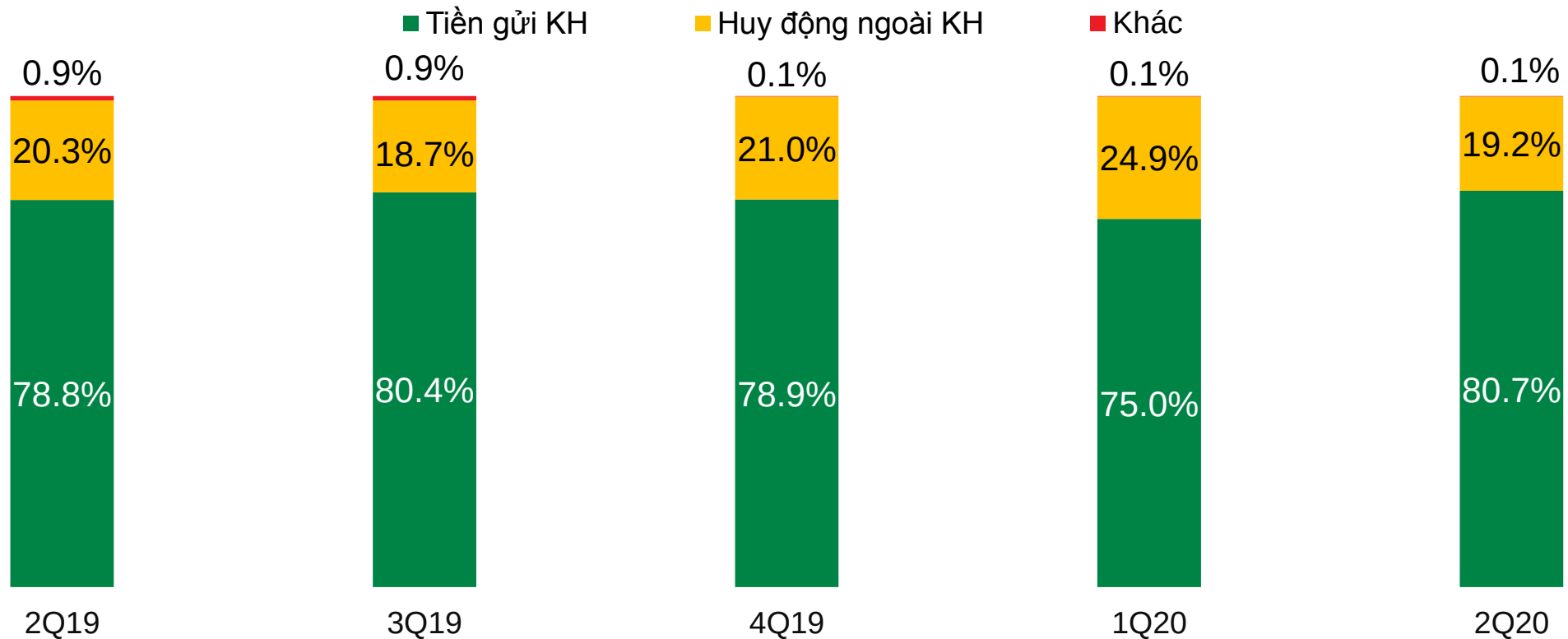


Số ngày lãi phải thu trung bình (theo TT52)



- *Tiền gửi khách hàng là nền tảng quan trọng để tối ưu hóa Bảng cân đối và giảm chi phí vốn*
- *Huy động vốn được tăng cường bằng nguồn vốn dài hạn từ các đối tác quốc tế uy tín, góp phần duy trì tỷ lệ huy động ngắn hạn cho vay trung & dài hạn ở mức 26,4%*

Tỷ trọng các nguồn vốn (%)

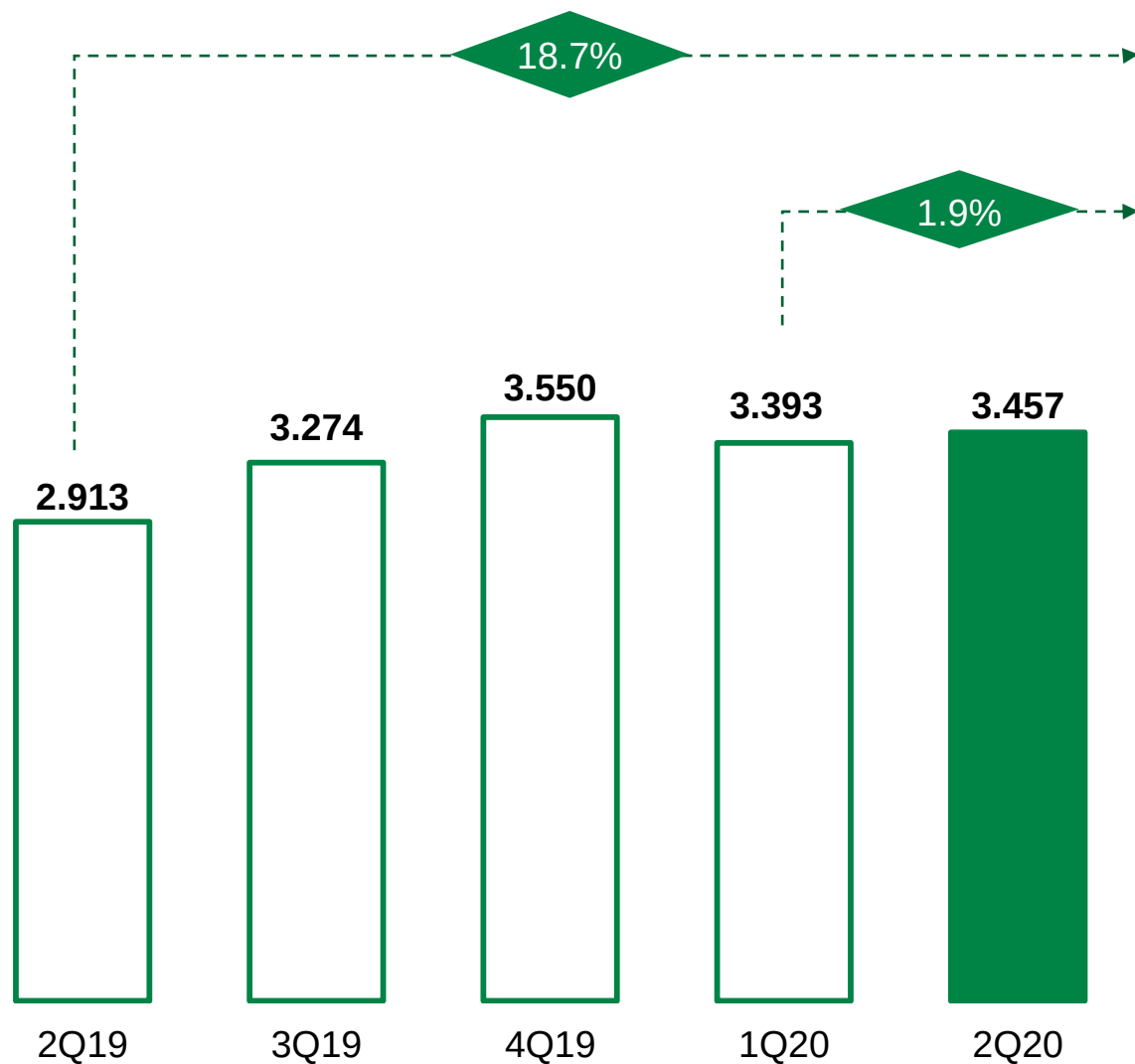


- Tiền gửi khách hàng bao gồm tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi
- Huy động ngoài KH bao gồm: Trái phiếu: 44,9%, LCUPAS: 24,4%, Vay có kỳ hạn: 13,1% và thị trường tiền tệ: 13,1%. Ngoài ra, trái phiếu bao gồm 300 triệu USD trái phiếu quốc tế kì hạn 36 tháng phát hành ngày 17/7/2019. Vay có kỳ hạn bao gồm khoản tín dụng xanh 201 triệu USD (gần 5 nghìn tỷ VND), kì hạn 3 năm của IFC để bổ sung và đa dạng hóa nguồn vốn trung – dài hạn.
- Các nguồn khác bao gồm vay từ NHNN và quỹ tín thác.

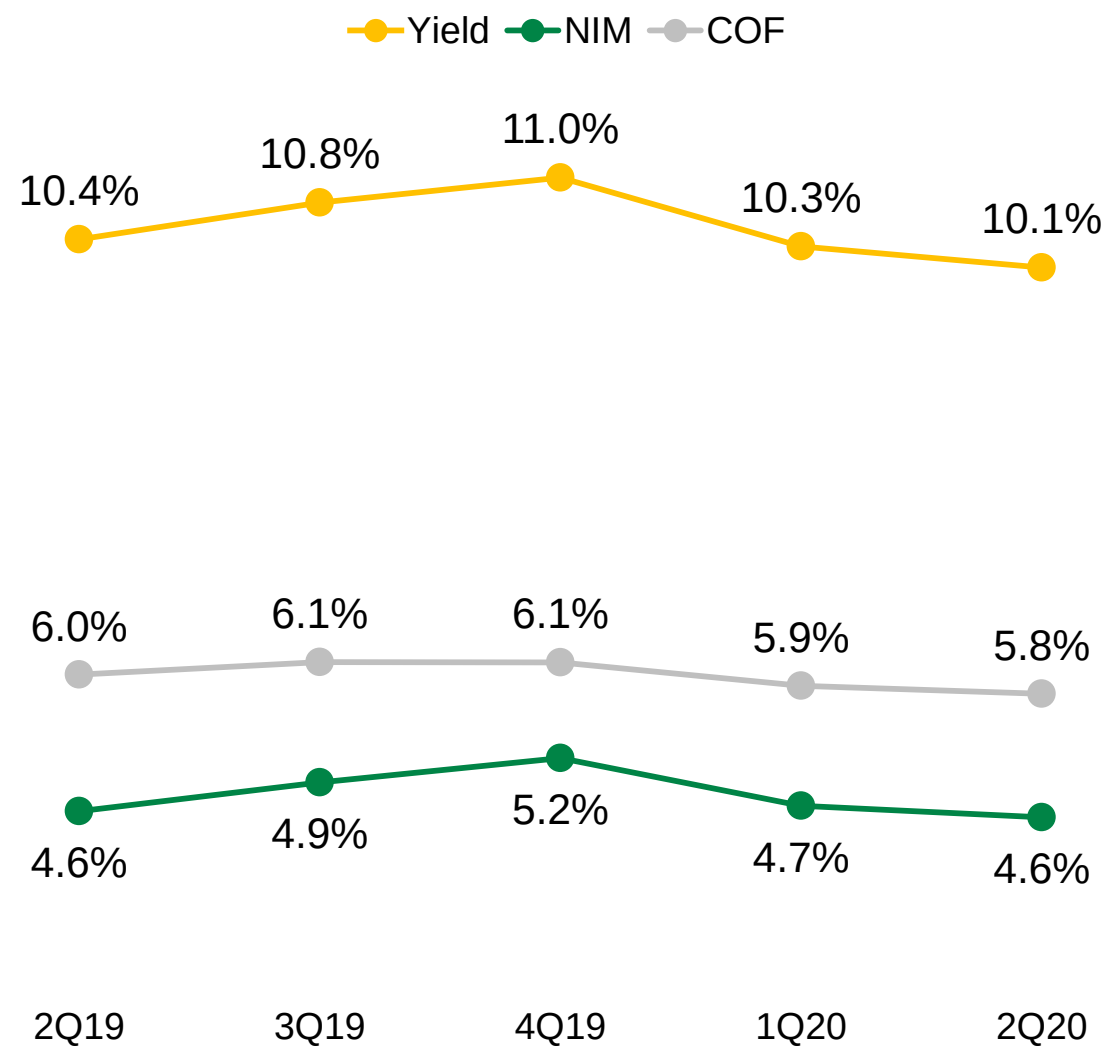
NII duy trì mức ổn định

NIM duy trì ở mức ổn định

NII theo quý (% , tỷ VND)



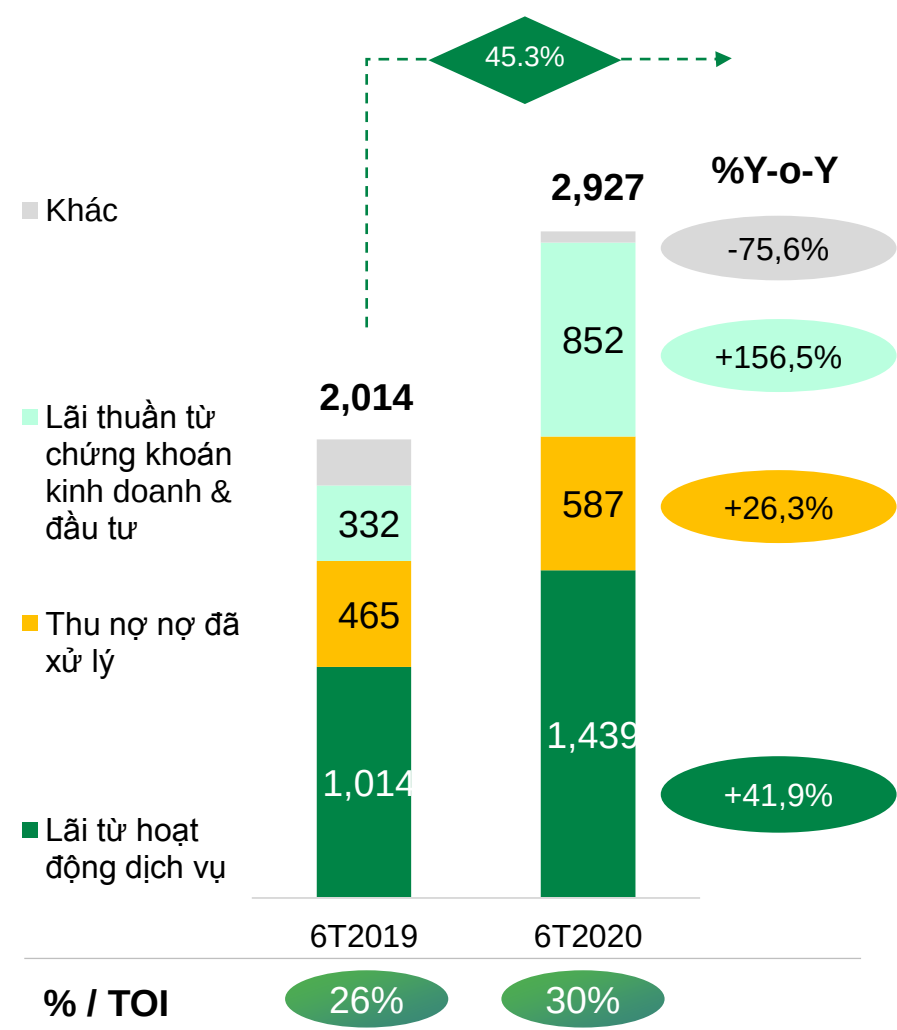
Yield, COF, NIM theo quý (%)



Mở rộng thu nhập ngoài lãi mặc dù giãn cách xã hội do Covid19

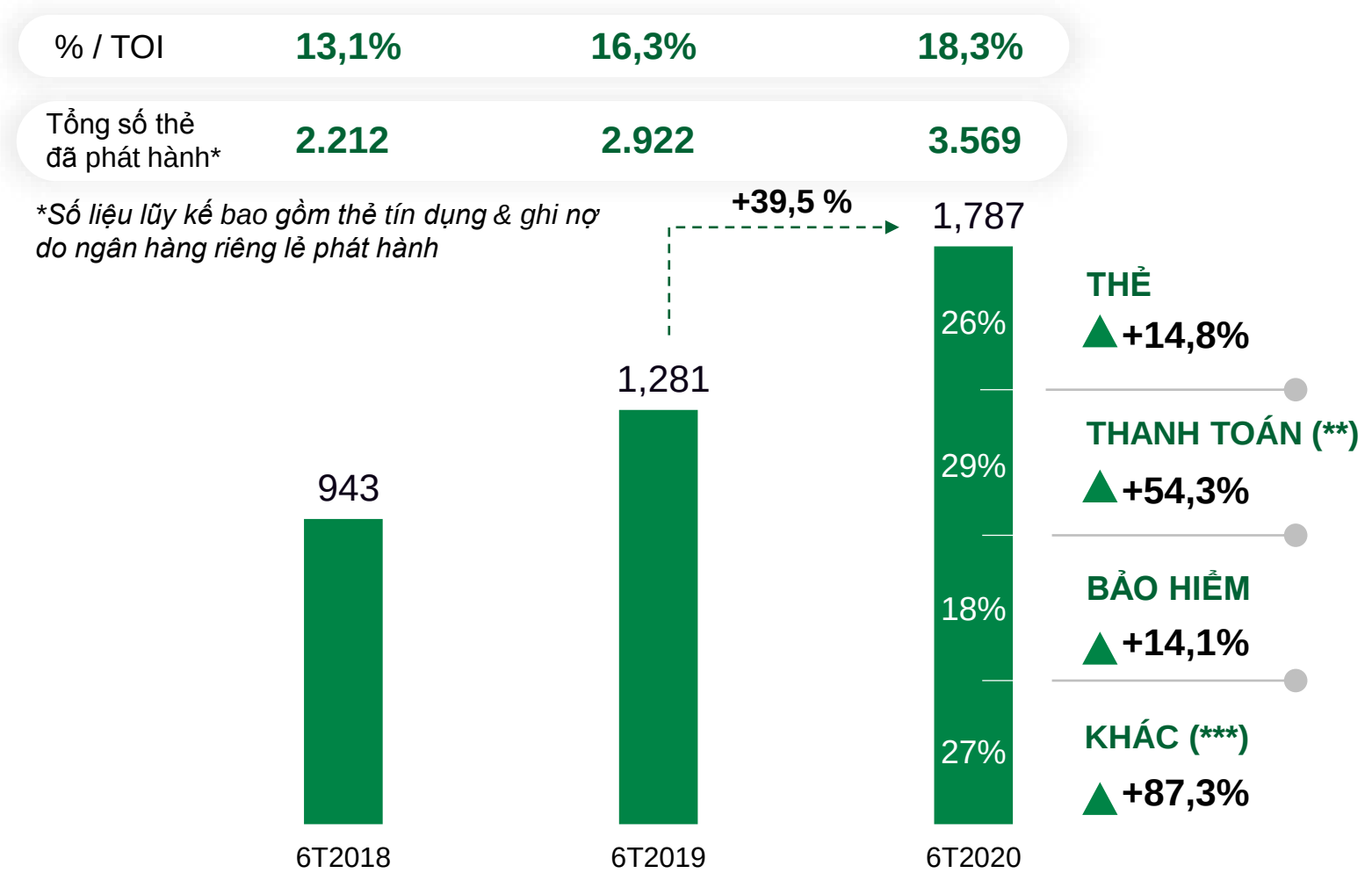
- Đóng góp thu nhập ngoài lãi vào TOI tiếp tục tăng, giúp VPBank giảm thiểu tác động từ giãn cách và duy trì tăng trưởng thu nhập
- Các dịch vụ thanh toán tiếp tục được tăng cường và hỗ trợ qua công nghệ và nền tảng số

Cấu trúc thu nhập ngoài lãi (% , tỷ VND)



Thu nhập ngoài lãi khác: thu nhập ròng từ giao dịch FX & nghiệp vụ khác
6 tháng 2019 không gồm thu nhập từ các công ty con

Thu nhập từ phí (% , tỷ VND, Nghìn)



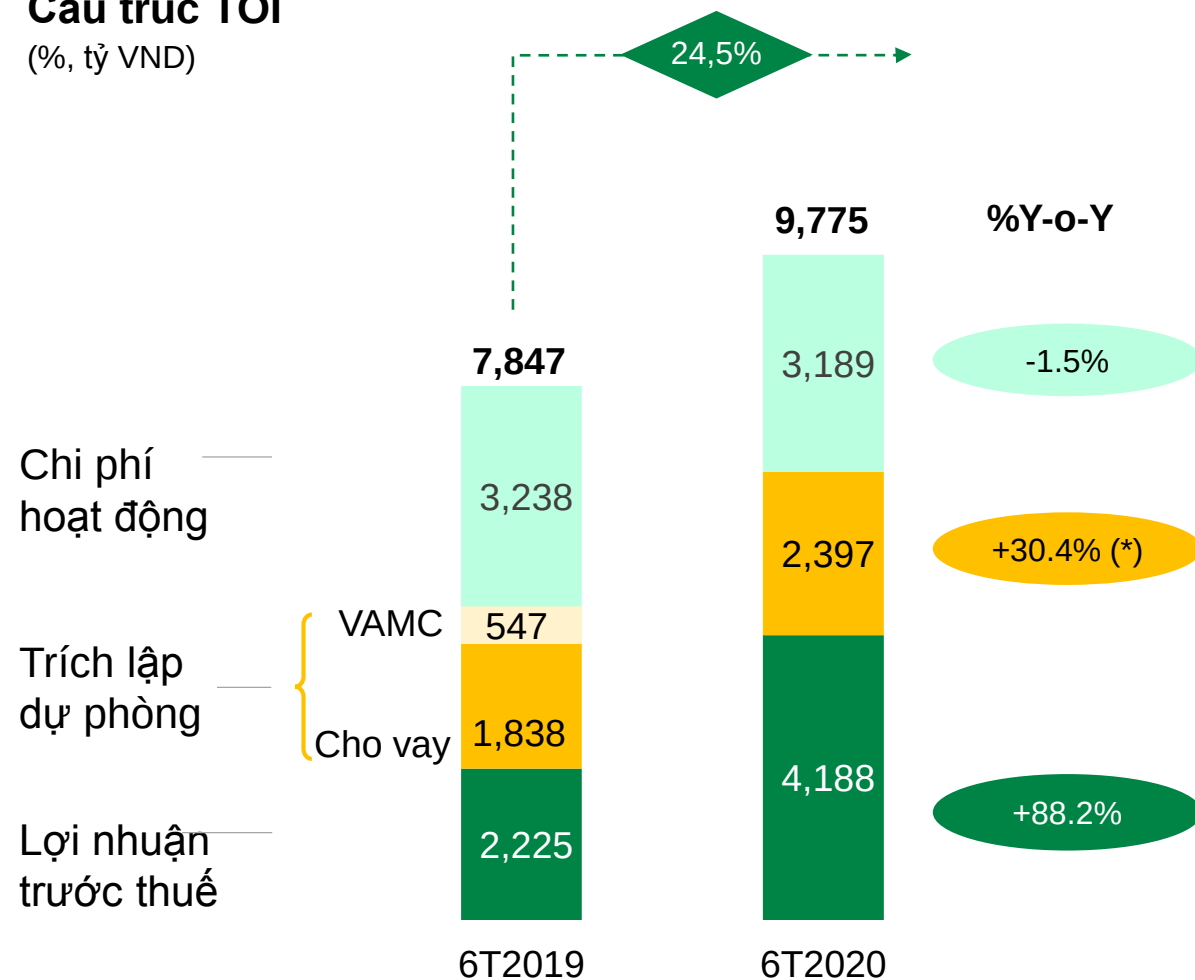
(**) Thanh toán gồm bảo lãnh, thư tín dụng, thanh toán quốc tế và trong nước
(***) Khác gồm: phí POS, phí tài khoản, phí thu xếp, phí tư vấn

Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 88,2% nhờ tăng cường hiệu quả hoạt động, mặc dù trích lập dự phòng tăng

- Khả năng sinh lời tốt cùng với tốc độ tăng trưởng TOI vượt trội so với tăng trưởng OPEX nhờ việc đa dạng nguồn thu, tối ưu hóa chi phí
- Chính sách trích lập dự phòng thận trọng nên dự phòng tăng 30% so với cùng kỳ năm ngoái (không bao gồm dự phòng VAMC)

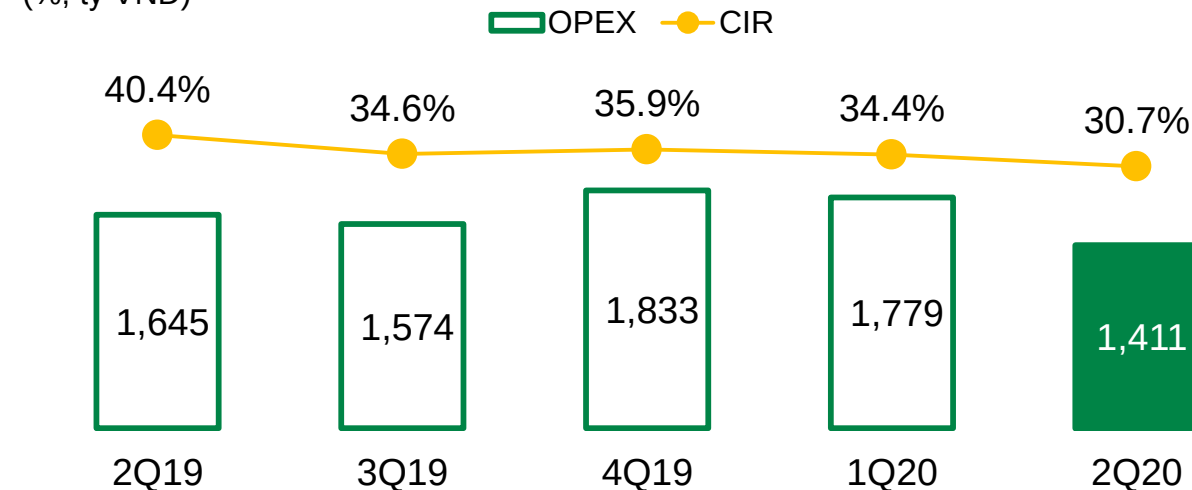
Cấu trúc TOI

(%, tỷ VND)



Tăng trưởng Chi phí hoạt động, CIR (**)

(%, tỷ VND)



(**) Không bao gồm thu nhập từ công ty con

Lợi nhuận trước thuế theo quý

(%, tỷ VND)



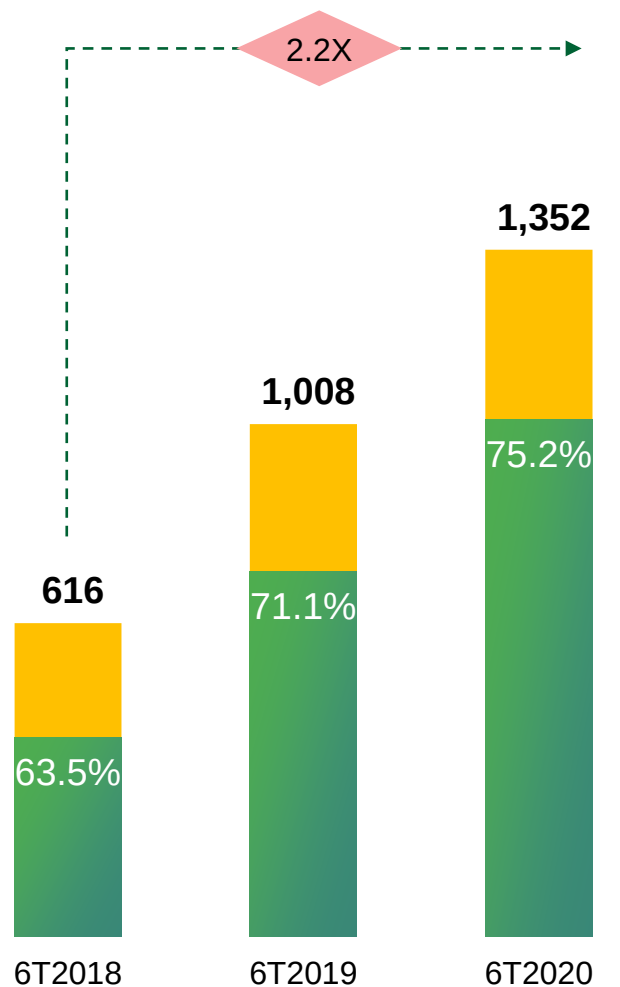
* Nếu không tính dự phòng VAMC

Đẩy mạnh các sáng kiến số nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động

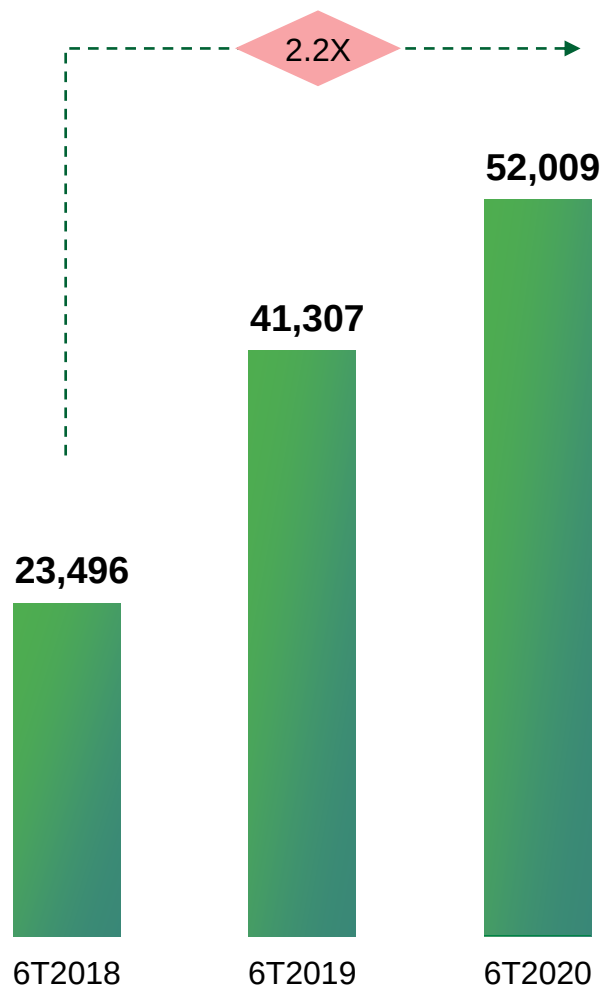
- Tiến hành chuyển đổi số thông minh tạo nền tảng xây dựng các kênh phục vụ khách hàng. Ngân hàng đầu tiên ở VN triển khai eKYC.
- Hiện thực hóa giá trị chuyển đổi mới, đồng thời liên tục đẩy mạnh cải tiến và năng lực sáng tạo với mục tiêu tăng trưởng ổn định

Số lượng khách hàng số; Tỷ lệ hoạt động (Nghìn, %)

■ Số lượng khách hàng số ■ Tỷ lệ hoạt động

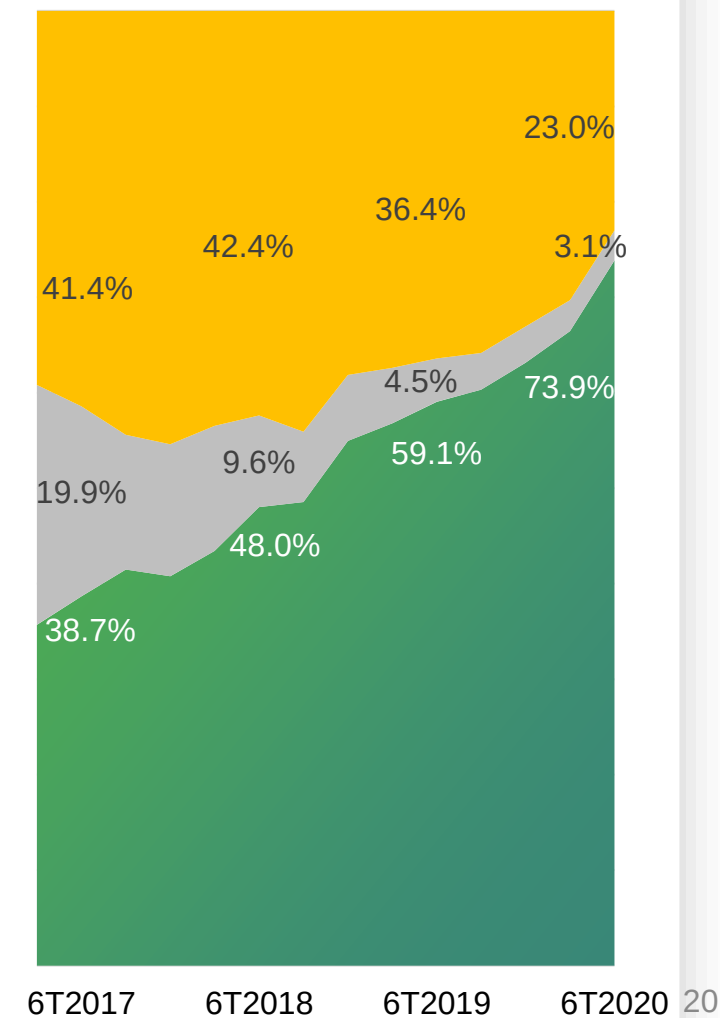


Số lượng giao dịch (Nghìn)



Tỷ lệ giao dịch (% theo số lượng)

■ E-bank ■ Quầy ■ ATM/CDM/POS

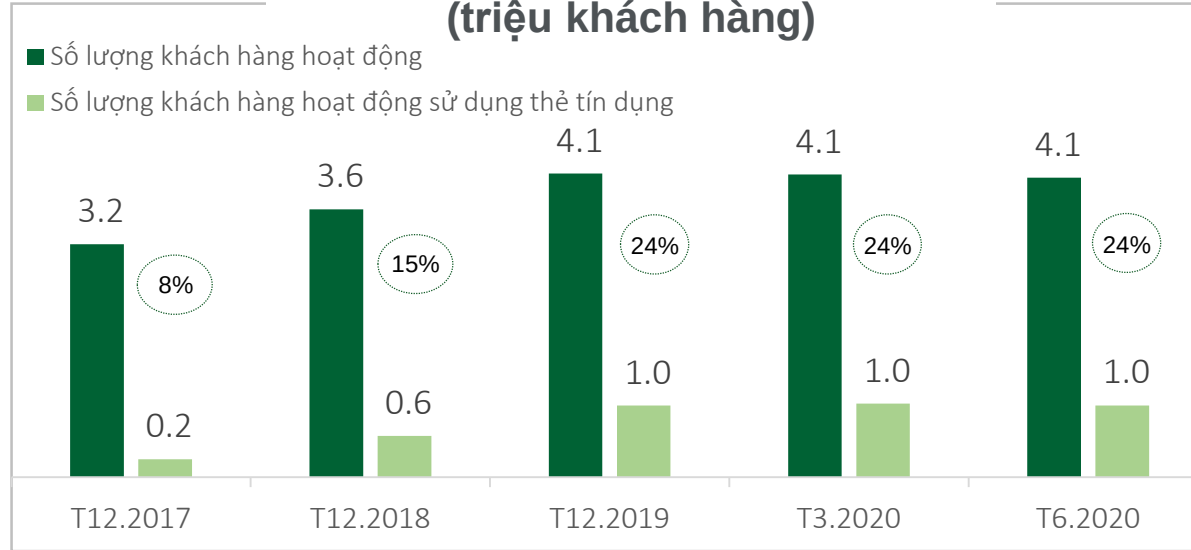




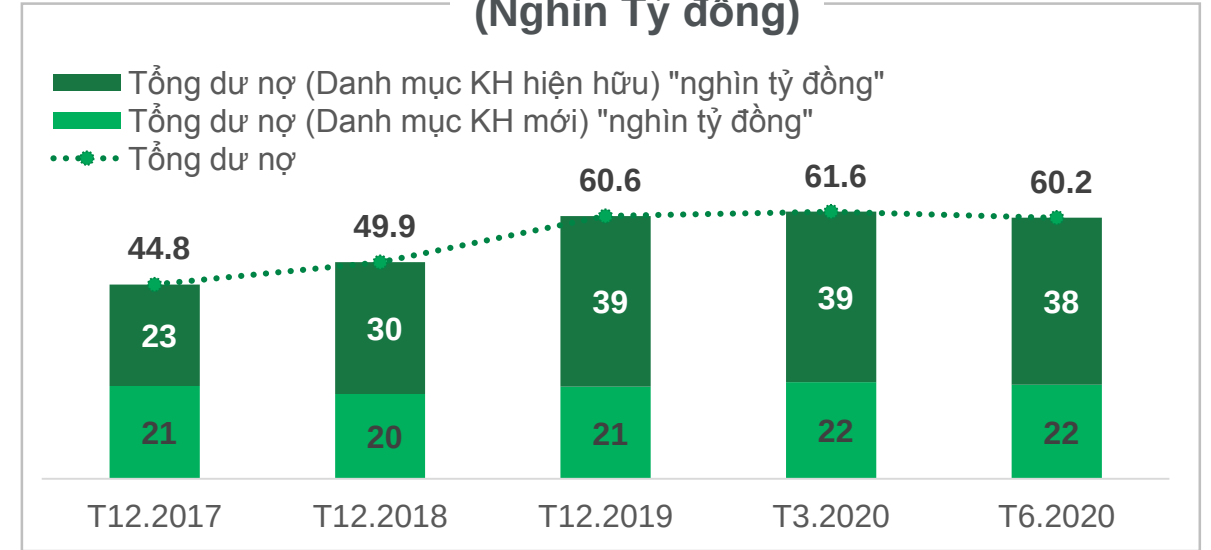
Kết quả kinh doanh 6 tháng 2020

- Ngân hàng Hợp nhất
- Ngân hàng Riêng lẻ
- FE Credit

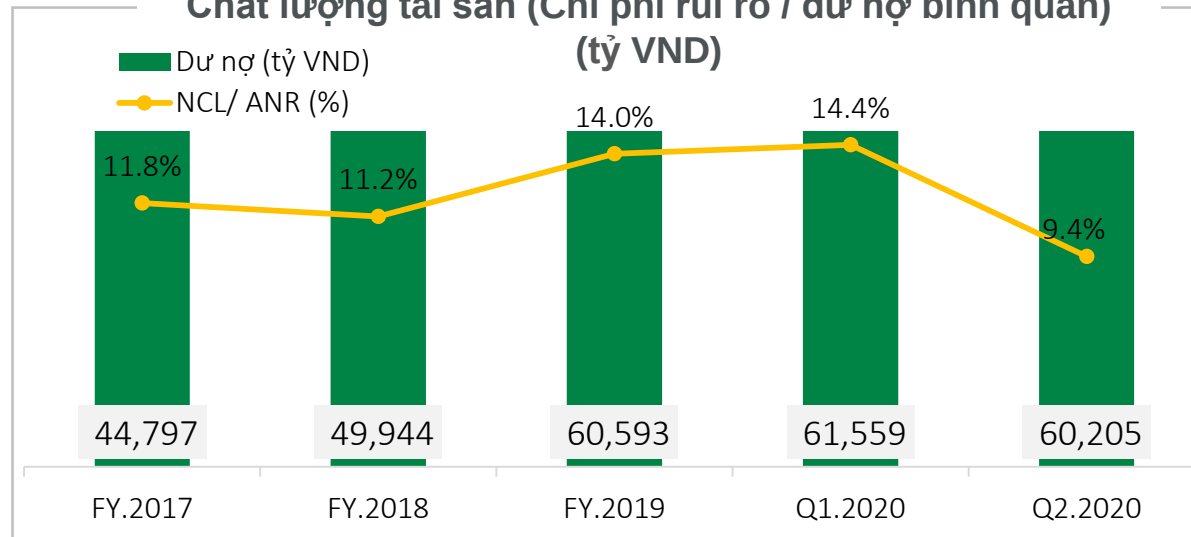
Số lượng khách hàng hoạt động (triệu khách hàng)



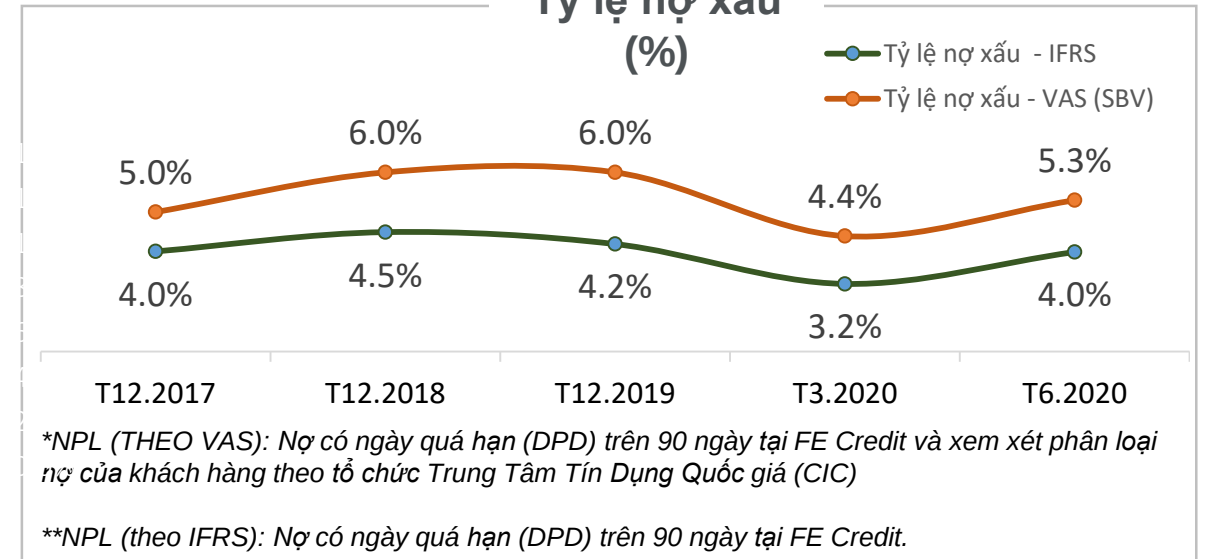
Tổng dư nợ (Nghìn Tỷ đồng)

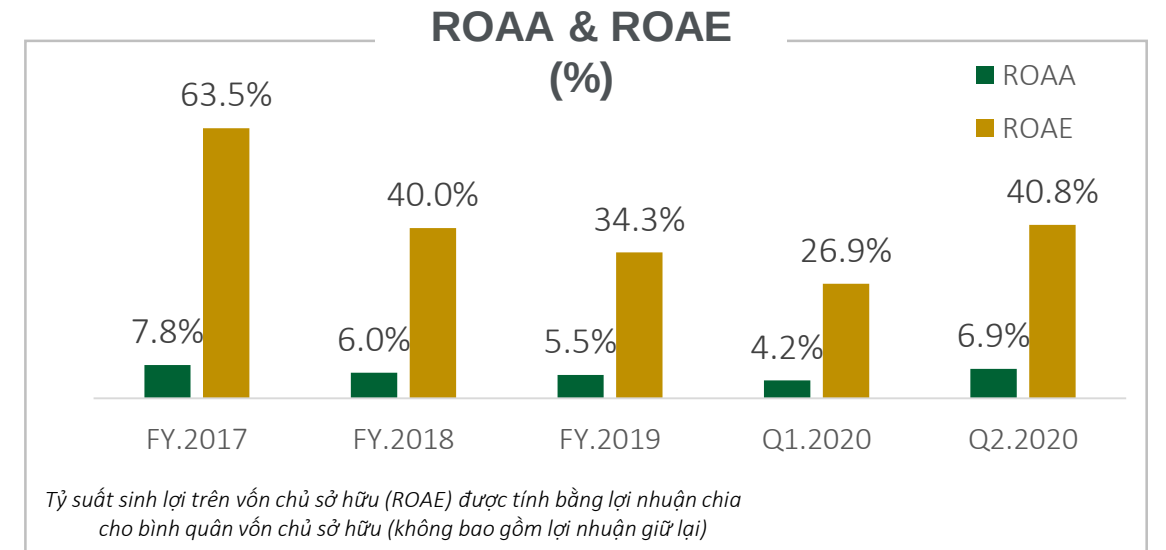
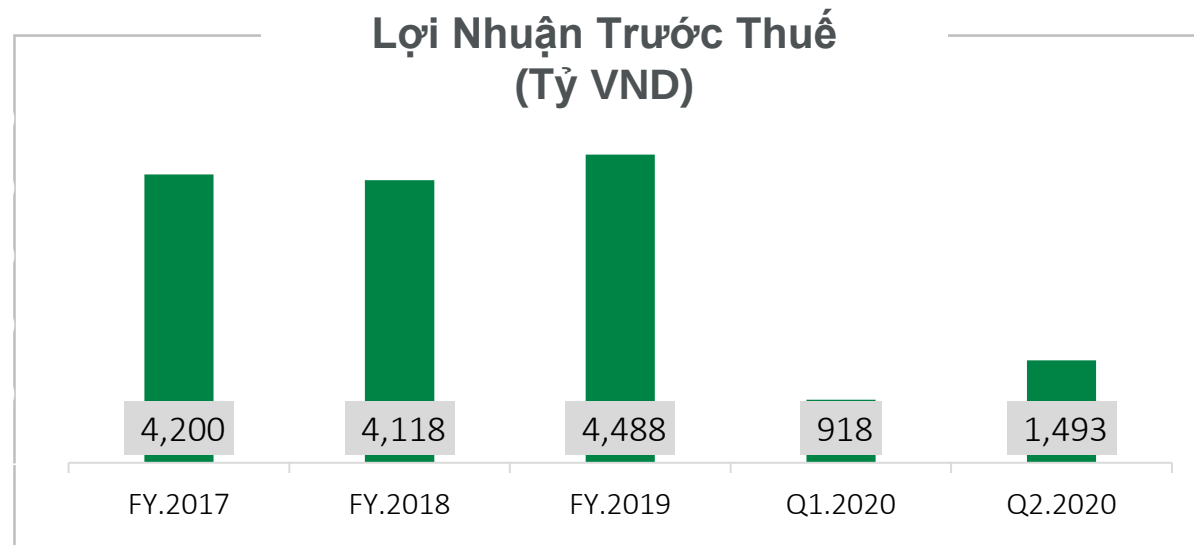
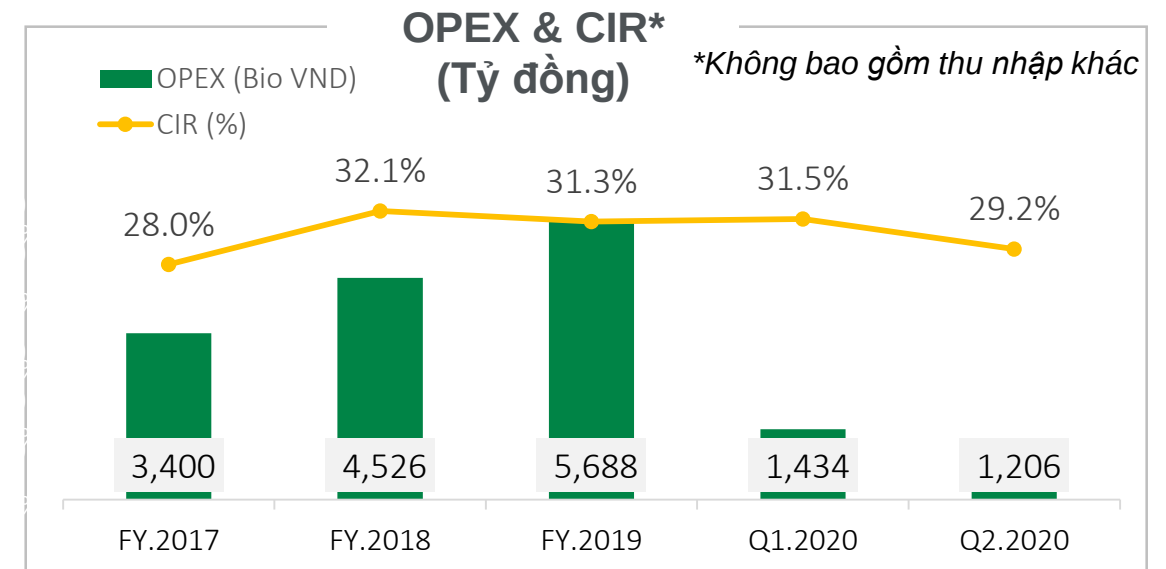
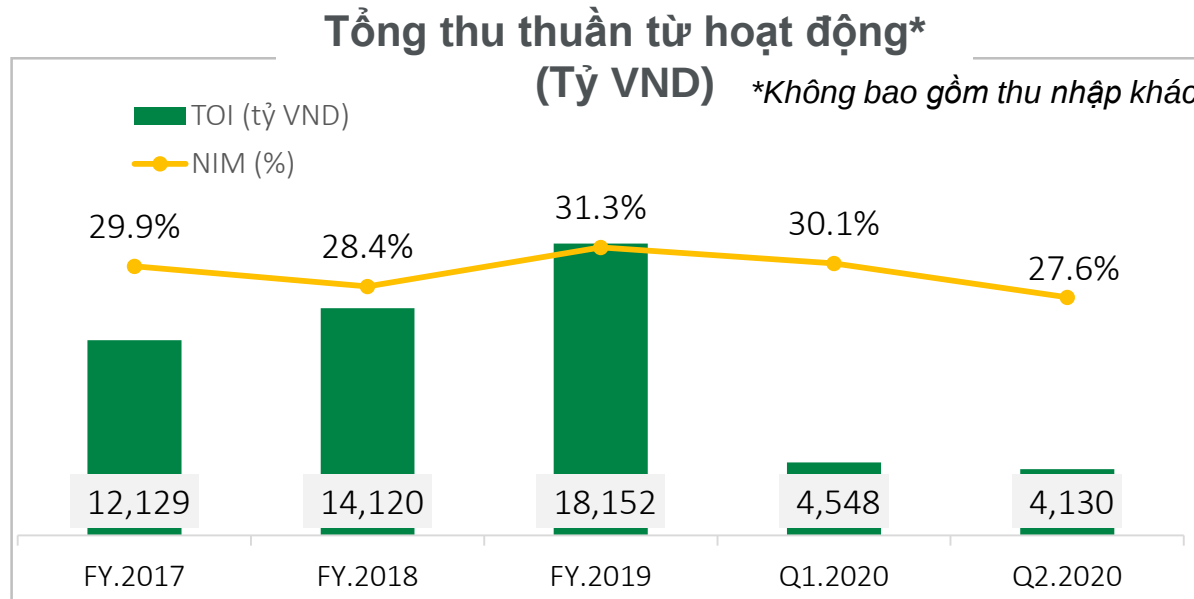


Chất lượng tài sản (Chi phí rủi ro / dư nợ bình quân) (tỷ VND)



Tỷ lệ nợ xấu (%)







Triển Vọng Kinh Doanh

Triển vọng kinh tế vĩ mô 6 tháng cuối năm 2020

Chủ động ứng phó với những rủi ro và nắm bắt cơ hội trong bối cảnh phức tạp của đại dịch

Sự hỗ trợ từ Chính phủ & NHNN

Bên cạnh chính sách và các gói hỗ trợ kể từ đầu năm, chính phủ Việt Nam và NHNN tiếp tục kiểm soát nền kinh tế để có những điều chỉnh phù hợp trong nửa sau năm 2020.

- Chính phủ chủ động tăng thâm hụt ngân sách và nợ công lên 3 - 4% GDP
- NHNN duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng có kiểm soát với tăng trưởng tín dụng ~ 14%

Các lĩnh vực tiềm năng với khả năng phục hồi mạnh mẽ

Nền kinh tế Việt Nam có dấu hiệu phục hồi kể từ khi đợt cách ly xã hội do đại dịch vào tháng 4. Một số lĩnh vực tiềm năng đang phục hồi trong nửa cuối năm 2020.

- Sản xuất
- Bất động sản: Khu công nghiệp
- Ngân hàng
- Tiêu dùng & Bán lẻ
- Vận chuyển
- Công nghệ
- Năng lượng

Dự báo điều chỉnh của chỉ số năm 2020 theo các Công ty Chứng khoán

VIỆT NAM	2019	2020	
		Mục tiêu của Chính phủ	Dự báo của các CTCK
Tăng trưởng GDP (%)	7,02	3,6 – 4,5	3,5 - 4
Tỷ lệ lạm phát (%)	2,79	<4	3 – 3,5
Tăng trưởng tín dụng (%)	13,5	14	10

Dự báo GDP của Ngân hàng Thế giới cho 2020, 2021

Kinh tế Việt Nam 2020 có thể đạt mức tăng trưởng 2,8%, cao thứ 5 thế giới

	DỰ BÁO GDP 2020 (%)	DỰ BÁO GDP 2021 (%)
Việt Nam	2,8	6,8
Thái Lan	-3	4
Philippine	3	6,2
Indonesia	2,1	5,6
Malaysia	-0,1	6,4
Lào	3,6	5,8
Campuchia	2,5	5,9

Nền kinh tế bị ảnh hưởng trong thời kỳ đặc biệt khó khăn nhưng đã **dần trở lại** trạng thái bình thường

Triển vọng ngân hàng 6 tháng cuối năm 2020

HỢP NHẤT	THỰC TẾ 2019	6T2020	6T cuối năm 2020 vs. 6T đầu năm 2020	NHẬN XÉT
Tăng trưởng tín dụng (%Y-o-Y)	17,6%	9,8%	↑	Tín dụng tiếp tục tăng trưởng và mục tiêu cả năm tương tự với năm ngoái nhờ sự hồi phục của những phân khúc chiến lược
NIM	9,7%	8,8%	→	NIM giảm do chương trình hỗ trợ khách hàng và tập trung đẩy mạnh các phân khúc ít rủi ro
Tỷ lệ Chi phí/Thu nhập	33,9%	31%	→	Chi phí hoạt động tiếp tục được tối ưu, tuy nhiên xu hướng trong 6 tháng cuối năm duy trì ở mức ngang bằng với 6 tháng đầu năm
Tỷ lệ nợ xấu theo TT 02	2,95%	2,71%	→	Kiểm soát chặt chẽ hoạt động cơ cấu nợ
Chi phí tín dụng sau thu hồi nợ (**)	4,5%	4,1%	↑	Đặt mục tiêu chi phí tín dụng cao hơn tới hết năm
Lợi nhuận trước thuế	10.324 tỷ VND	6.585 tỷ VND	↑	6 tháng 2020 hoàn thành 64% mục tiêu cả năm, mục tiêu cả năm 2020 có thể cao hơn 10-15% thay vì giảm 1% theo kế hoạch ban đầu

(*) Loại trừ các khoản thu nhập bất thường

(**) Loại trừ ảnh hưởng từ VAMC năm 2019

Tinh chỉnh chính sách và sản phẩm

- Đánh giá những thay đổi trong hành vi của khách hàng để có chính sách đối phó kịp thời
- Tăng trưởng chọn lọc với những sản phẩm ít rủi ro hơn và điều chỉnh chính sách cho các ngành chiến lược

Tối ưu hóa cơ cấu chi phí

- Quản lý chi phí với kỷ luật cao, đồng thời giảm bớt những khoản phí không cần thiết
- Nâng cao năng lực phân tích dữ liệu và áp dụng robot để thúc đẩy tăng trưởng phi tuyến tính và cải thiện quá trình ra quyết định

Khả năng thu hồi nợ

- Tiếp tục tận dụng các nguồn lực và công nghệ hiện đại nhằm hỗ trợ quá trình thu hồi nợ
- Giám sát chặt chẽ những khách hàng đã cơ cấu nhằm đảm bảo khả năng trả nợ, đồng thời quản lý tốt chất lượng tài sản trên danh mục

Khát vọng số

- Nâng cao năng lực số và mức độ gắn kết khách hàng nhằm thúc đẩy bán và giao dịch
- Nâng cấp chuyển đổi số đối với hạ tầng hỗ trợ và nền tảng kinh doanh

Thúc đẩy năng suất bán

- Rà soát các chi nhánh và mô hình bán để tối đa hóa kết quả bán sản phẩm
- Thắt chặt kỷ luật bán
- Triển khai các gói ưu đãi, khuyến mãi dành cho khách hàng (lãi suất ưu đãi, quà tặng,..)

Đa dạng hóa nguồn doanh thu

- Đảm bảo mức tăng trưởng mạnh mẽ của thu nhập từ phí
- Khám phá những nguồn vốn tiềm năng nhằm đa dạng hóa và giảm chi phí vốn



Đơn vị: tỷ VND, %

▶ Tổng tài sản	425.132	▶ Cho vay khách hàng	304.744
▶ Huy động từ khách hàng & giấy tờ có giá	299.728	▶ Lợi nhuận trước thuế	10.214

	THỰC TẾ 2019	KẾ HOẠCH 2020	KẾ HOẠCH 2020 vs. 2019
Tổng tài sản	377.204	425.132	12,7%
Cho vay khách hàng	271.407	304.744	12,3%
Huy động từ khách hàng & giấy tờ có giá	271.549	299.728	10,4%
Lợi nhuận trước thuế	10.324	10.214	-1,1%

Kế hoạch 2020 – Ngân hàng Riêng lẻ

Đơn vị: tỷ VND, %

▶ Tổng tài sản **364.513**

▶ Huy động từ khách hàng & giấy tờ có giá **259.499**

▶ Cho vay khách hàng **242.588**

▶ Tỷ lệ nợ xấu **< 3%**

▶ Lợi nhuận trước thuế **6.710**

	THỰC TẾ 2019	KẾ HOẠCH 2020	KẾ HOẠCH 2020 vs. 2019
Cho vay khách hàng	210.916	242.588	15,0%
Huy động từ khách hàng & giấy tờ có giá	238.404	259.499	8,8%
Tổng thu nhập hoạt động (*)	17.529	17.670	0,8%
Chi phí hoạt động	6.655	6.346	-4,6%
Chi phí dự phòng	5.049	4.614	-8,6%
<i>Chi phí dự phòng loại trừ chi phí dành cho VAMC</i>	<i>4.050</i>	<i>4.614</i>	13,9%
Lợi nhuận trước thuế (*)	5.825	6.710	15,2%
Tỷ lệ chi phí/thu nhập	38,0%	35,9%	
LDR (Cho vay khách hàng/ Huy động từ khách hàng & giấy tờ có giá)	88,5%	93,5%	

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ đã kiểm toán tại 31/12/2019
& Kế hoạch kinh doanh của VPBank

(*) Tổng thu nhập hoạt động, Lợi nhuận trước thuế loại trừ thu nhập từ các công ty con



Trên trọng cảm ơn

1. Tỷ lệ chi phí / thu nhập (CIR)	Chi phí hoạt động / Tổng thu nhập hoạt động
2. ROE (Hợp nhất)	Lợi nhuận sau thuế / Bình quân tổng vốn chủ sở hữu
3. ROA (Hợp nhất)	Lợi nhuận sau thuế / Bình quân tổng tài sản
4. ROE (Riêng lẻ)	Lợi nhuận sau thuế loại trừ LN công ty con chuyển về / Bình quân VCSH loại trừ đầu tư vào công ty con
5. ROA (Riêng lẻ)	Lợi nhuận sau thuế loại trừ LN công ty con chuyển về / Bình quân tổng tài sản loại trừ đầu tư vào công ty con
6. Tỷ lệ nợ xấu theo Thông Tư 02	Tổng dư nợ tín dụng nhóm 3-5/ Tổng số dư tín dụng chịu rủi ro theo TT02
7. Chi phí tín dụng sau thu hồi nợ	(Chi phí dự phòng – Thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro) / Bình quân Cho vay khách hàng
8. LLR nội & ngoại bảng	Tổng quỹ dự phòng cộng với số dự phòng được sử dụng trong kỳ / (Nợ xấu nhóm 3-5 + dự phòng đã sử dụng trong kỳ)
9. LLR cụ thể nội & ngoại bảng	Quỹ dự phòng cụ thể cộng với số dự phòng được sử dụng trong kỳ / (Nợ nhóm 2-5 + dự phòng đã sử dụng trong kỳ)
10. Chi phí vốn (COF)	Chi phí lãi / Bình quân tổng vốn huy động
11. Thu nhập trên tài sản sinh lời	Thu nhập lãi / Bình quân tài sản sinh lời
12. NIM	Thu nhập lãi thuần / Bình quân tài sản sinh lời

AMC	Công ty Quản lý Tài sản
CAR	Chỉ số an toàn vốn
CASA	Tiền gửi không kỳ hạn
CIR	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Tổng thu nhập hoạt động
ENR	Số dư cuối kỳ
LLR	Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro/ Nợ xấu
NFI	Thu nhập phí ròng
CD	Chứng chỉ tiền gửi
NIM	Lãi ròng
NPL	Nợ xấu
PL NTB	Khoản vay cá nhân mới
OPEX	Chi phí hoạt động

ROE	Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu bình quân
ROA	Lợi nhuận/ Tổng tài sản bình quân
SBV	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
TOI	Tổng thu nhập hoạt động
UPL	Khoản vay tín chấp cá nhân
ATM	Máy rút tiền tự động
CDM	Máy nộp tiền tự động
POS	Điểm bán hàng
POC	Điểm thu tiền mặt
BCP	Kế hoạch kinh doanh liên tục
YTD	Lũy kế
YOY	Cùng kỳ

Tài liệu này là thông tin cơ bản về các hoạt động của VPBank tính đến ngày trình bày và được đưa ra dưới dạng tóm tắt. Tài liệu không nhằm mục đích tư vấn cho các nhà đầu tư hay nhà đầu tư tiềm năng, và không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Những thông tin này cần được xem xét, có thể tham khảo ý kiến tư vấn chuyên môn, khi quyết định đầu tư.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập www.vpbank.com.vn hoặc liên hệ

Phòng Quan Hệ Nhà Đầu Tư

SĐT: (84) 24 3928 8869 (ext. 54111)

Fax: (84) 24 928 8867

Email: ir@vpbank.com.vn